PHỦ ĐỊNH SIÊU NGÔN NGỮ, TỪ PHIẾM ĐỊNH VÀ QUÁN NGỮ TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THÙY NƯƠNG*

Abstract: Metalinguistic negation is a concept set in opposition to descriptive negation, a concept that has attracted attention from various research schools such as philosophy, logic and linguistics. In linguistic aspects alone, it has been explored across grammar, semantics, and pragmatics. This article presents the results of research on negative agents and indefinite words in Vietnamese when they are used in combinations and proverbs, interrogative or refutational sentences. From the differences in metalinguistic functions of negation agents, indefinite words and proverbs, we hypothesize their operations in test cases of negation and refutation structures, semantic and pragmatic patterns in Vietnamese. Through this exploration, we clarify the operations and functions of meta-linguistic negation in Vietnamese.

Keywords: *metalinguistics negation, indefinite word and idiom expressions in Vietnamese.*

1. Đặt vấn đề

Trong ngôn ngữ, phủ định, cùng với khẳng định là một thao tác hành vi nhận thức tình thái của con người đối với hiện thực cũng như đối với những điều được nói ra. Chính vì thế, phủ định được coi là một hiện tượng ngôn ngữ phổ quát trên thế giới. Phủ định trong ngôn ngữ được dễ dàng xác định thông qua các phương tiện biểu đạt là những từ/ cụm từ mang nghĩa phủ định. Những phương tiện này được gọi là *tác tử phủ định*. Tuy nhiên, hành vi phủ định không chỉ dừng lại ở các chỉ tố đánh dấu là các tác tử phủ định, mà nó còn dùng các khuôn định ngôn ngữ khác để biểu đạt. Cùng với đó, từ nguồn ngữ liệu tự nhiên, các nhà nghiên cứu phủ định

Phủ định siêu ngôn ngữ (Metalinguistic Negation) là khái niệm đặt trong sự đối lập với *Phủ định miêu tả* (Descriptive Negation), là một khái niệm thu hút sự chú ý từ những trường phái nghiên cứu của triết học, logic và ngôn ngữ; và riêng các bình diện ngôn ngữ chúng đã được quan tâm từ hầu hết các khía cạnh (ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng). Đã có các bình diện đa dạng được nghiên cứu và thảo luận từ phạm trù này; từ bản chất đến phân loại, từ những hạn chế đến phạm vi giới hạn, từ tiêu điểm của phủ định đến phân cực phủ định; từ các cơ chế ngữ pháp đến cơ sở ngữ nghĩa và các chức năng dụng học.

Khái niệm này được nhà ngữ học người Mỹ Laurence Horn [17], [18] phát triển với các công trình *Phủ định siêu ngôn ngữ và mơ hồ ngữ dụng* năm 1985, *Lịch sử tự nhiên của Phủ định* (A natural history of negation) (1989). Sau Horn, chúng ta có nhiều nhà ngôn ngữ tiếp tục nghiên cứu nhiều khía cạnh của hiện tượng này, đó là *Bản chất và phân loại phủ định siêu*

* ThS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh

ngôn ngữ của Canzhong Jiang [12], *Phủ định siêu ngôn ngữ khác phủ định miêu tả như thế nào*? của Chungmin Lee [13], *Phủ định, phạm vi và sự khác biệt giữa miêu tả/ siêu ngôn ngữ* của Jacques Moeschler [22], *Giới hạn ngôn ngữ trong phủ định siêu ngôn ngữ: bằng chứng từ tiếng Trung quan thoại và tiếng Anh* của Wible David & Eva Chen [15]; hay công trình *Phủ định tương phản và phủ định siêu ngôn ngữ* của James D.Mc Cawley [21]. *Phủ định siêu ngôn ngữ và mơ hồ ngữ dụng: Một vài ý kiến cho đề xuất của Horn* do Ad Foolen [16] công bố, hoặc *Định hướng ngữ dụng tri nhận của phủ định siêu ngôn ngữ* của Akiko Yoshimura [24].

Bên cạnh đó là các công trình tìm hiểu về đặc trưng chức năng chân trị hay tiền giả định như *Chức năng chân trị của phủ định siêu ngôn ngữ: bằng chứng từ tiếng Hàn* [8] của Robyn Carston & Eun Ju Noh, đặc biệt là nghiên cứu *Vô hiệu hoá tiền giả định và phủ định siêu ngôn ngữ: lời đáp cho Carston* (Presupposition-Cancellation and Metalinguistic Negation: A reply to Carston) của Noel Burton-Roberts năm 1999 [7]. Chúng tôi cũng quan tâm tới bài viết *Làm thế nào để bác bỏ tiền giả định?* của Ariel Cohen - K. Turner và K. von Heusinger [14]. Nhà nghiên cứu người Anh, Robyn Carston là một người có nhiều công bố về phủ định siêu ngôn ngữ, bà cũng đặt mối quan tâm của mình về tiền giả định với các công trình *Phủ định, tiền giả định và sự khu biệt ngữ nghĩa học/ ngữ dụng học* năm 1998 [11], hay *Ngữ dụng của phủ định* năm 1996 [10].

Khái niệm *phủ định siêu ngôn ngữ* lần đầu được nhắc tới trong nghiên cứu về phủ định ở Việt Nam là trong mục 3 (chương X, phần III) cuốn *Lô-gích, ngữ nghĩa, cú pháp* năm 1987 [1] của Nguyễn Đức Dân. Sau đó, khái niệm này tiếp tục được nhắc lại trong công trình *Lôgich và tiếng Việt* (xuất bản lần đầu năm 1996 và các lần tái bản sau đó). Tuy vậy, cho tới nay, chúng tôi thấy rằng chưa có công trình nào đề cập và cũng như phân tích khái niệm "Phủ định siêu ngôn ngữ" trong tiếng Việt một cách hệ thống, cũng như phân biệt chúng trong đối cực với *Phủ định miêu tả*; hay làm rõ những giá trị tương liên trên những bình diện cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng khác nhau của hiện tượng này.

Từ những nền tảng trên, chúng tôi cố gắng trình bày các kết quả nghiên cứu về các tác tử phủ định, từ phiếm định trong tiếng Việt khi chúng được dùng trong các kết hợp, các quán ngữ, các câu chất vấn hay câu bác bỏ. Từ sự khác biệt về chức năng siêu ngôn ngữ của các tác tử phủ định, từ phiếm định và quán ngữ, chúng tôi sẽ giải thuyết về sự hoạt động của chúng trong những trường hợp thử nghiệm về cấu trúc phủ định, cấu trúc bác bỏ, các khuôn ngữ nghĩa ngữ dụng trong tiếng Việt. Từ đó, chúng tôi làm rõ hoạt động và chức năng của phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt.

2. Phủ định siêu ngôn ngữ và từ phiếm định

2.1. Phủ định siêu ngôn ngữ

Theo từ điển *Bách khoa toàn thư về Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học* (*The Encyclopedia of Language and Linguistics*) của Ron Asher [5, tr.2769-2774] thì phủ định trong ngôn ngữ tự nhiên nó đa dạng và phức tạp hơn nhiều so với phủ định trong logic hay trong toán học. Trong đó, phủ định trần thuật (declarative negation) được hiểu là loại chỉ ra tính chân thực của sự tình trong câu, nó khác với sự cấm đoán (không chỉ ra tính chân thực của sự tình, mà chỉ ngăn

chặn quan niệm về sự tình). Cũng trong công trình này, câu phủ định được xác định là thường xuyên "được sử dụng để điều chỉnh sự tình mà người nói giả định để chia sẻ cả sự nhận biết lẫn để thể hiện những điều chung nhất được mong đợi trong ngữ cảnh" [5, tr.2769-2774] và đó cũng là lí do câu phủ định không thường được dùng để giới thiệu một mệnh đề hay đối tượng sở chỉ mới.

Trong chương X của cuốn *Lôgich - Ngữ nghĩa - Cú pháp,* Nguyễn Đức Dân đã miêu tả và phân tích rất sâu sắc khái niệm "phán đoán phủ định", "câu phủ định", "phủ định toàn bộ" và "phủ định bộ phận", "phủ định và bác bỏ"; đặc biệt là trên cơ sở phân tích ngữ liệu tiếng Việt, đây là những nền tảng quan trọng để chúng tôi kế thừa và vận dụng trong phân tích "phủ định siêu ngôn ngữ ở những phần sau [1].

Phủ định trong ngôn ngữ tự nhiên không phải là một hiện tượng đơn nhất. Một tác tử phủ định có thể được biểu diễn trong nhiều loại câu khác nhau. (*Trời không nắng; Đừng đi; Aren't you please*). Nó đóng vai những phần khác nhau trong câu với trường ảnh hưởng của nó (toàn bộ câu, thành phần câu hay hình thái một từ). Trong tiếng Anh, nó có thể là biến tố/ phụ tố (unhappy) hay là không (not happy); còn trong tiếng Việt nó có thể là các tác tử hay hư từ. Theo Horn [17], [18], phủ định, khi chúng được dùng trong câu phủ định hoặc là thành phần phủ định trong câu đúng hoặc sai (assertoric sentences), chúng có thể thoả mãn hai chức năng: cả chức năng phủ định miêu tả lẫn chức năng siêu ngôn ngữ.

Trong sử dụng miêu tả, phủ định thường là "định hướng thế giới" hay "định hướng sở chỉ", đó là người nói hướng tới miêu tả một tình trạng phủ định của những vấn đề (affair). Đây là trường hợp tiêu biểu cho những phát ngôn như là:

Ví dụ 1: *Hôm nay bầu trời không có nắng*.

Mặt khác, ngược lại, khi chúng ta dùng siêu ngôn ngữ, chúng ta có "một phát ngôn phủ định thông thường cái mà thường dùng đối chiếu với phát ngôn trước đó trên bất kì mặt nào miễn là bao gồm cách mà nó phát ra" [17, tr.374]. Một ví dụ điển hình mà Horn đã dùng cho phủ định kiểu siêu ngôn ngữ:

Ví dụ 2: A. *He called the (**pólice**)*.

B. *He didn't call the [**pólis**], he called the [**polís**].* [17, tr.371]

Rõ ràng, ta thấy tính phủ định siêu ngôn ngữ trong VD2B là sự phản bác lại phát âm sai trọng âm của từ (police) như khi người A phát ngôn (không phải là gọi [pólis]) và đồng thời B đã đưa ra phát ngôn điều chỉnh cho đúng (mà gọi [polís]). Phủ định siêu ngôn ngữ ở đây thường là "định hướng diễn ngôn", phát ngôn có tính phủ định gắn liền với diễn ngôn đang xảy ra, và có thể diễn giải nghĩa rằng "bạn không nên phát âm từ đó theo cách này".

Horn [16], [17] cho rằng phủ định có thể được sử dụng cả cho từ chối/ bác bỏ chân trị của một mệnh đề lẫn bác bỏ (một cách khéo léo) sự xác định của một phát ngôn. Ông đã đưa ra định nghĩa: "Phủ định siêu ngôn ngữ là một công cụ để từ chối một phát ngôn phía trước trên bất kì một cơ sở nào, người nói sử dụng phủ định để đánh dấu sự không mong muốn của anh/ cô ấy về sự xác định hoặc chấp nhận việc khẳng định của người khác,…; phủ định siêu ngôn ngữ không tập trung vào chân trị hay lời nói dối của một mệnh đề, mà là tính xác định của một phát

ngôn" [17, tr.363]. Theo học thuyết của Horn, cơ sở để phản bác (objecting) lại một phát ngôn gần nhất trước đó có thể có nhiều loại. Đó là những phản bác vì sai tiền giả định, như trong (I), vì sự từ chối hàm ngôn hội thoại như trong (II), và để phê bình một đặc tính ngôn ngữ từ nhận diện ngữ âm học cho tới chọn lựa âm vực hay phong cách ngôn ngữ, như trong (III) dưới đây.

(I): a. *The King of France is not bald - (because) there is no king of France*. [17, tr.362]

b. *I **haven't stopped** smoking. I **have never smoked** in my life.*

(II) a. *A: **Some** men are chauvinists*.

B: ***Some** men aren't chauvinists - **All** men are chauvinists*.

(III) a. *He didn't call the **[pólis]**, he called the **[polís]***. [17, tr.371]

b. *I didn't manage to trap two **mongeese** - I managed to trap two **mongooses***. [17]

2.2. Tác tử phiếm định trong phần điều chỉnh siêu ngôn ngữ

Điều quan trọng bên cạnh việc xác định và phân biệt phủ định siêu ngôn ngữ và bác bỏ là vấn đề về sự có mặt hay vắng mặt của những thành tố ngôn ngữ theo sau (phần mở rộng hay một sự điều chỉnh cần thiết đứng ngay sau một câu biểu đạt siêu ngôn ngữ). Horn [18, tr.403] thì đề xuất sự bắt buộc có mặt của thành phần hiệu chỉnh này.

Theo chúng tôi, từ quan sát các ví dụ điển hình theo các trường phái khác nhau, thì ta vẫn thấy *phủ định siêu ngôn ngữ* luôn biểu đạt thái độ của người nói (một đặc tính mà nó chia sẻ trạng thái cảm thán (exclamative) hoặc châm biếm (irony)), đặc biệt là thái độ phản đối (disapproval), có thể đi từ thái độ ôn hoà (mild), phê bình vui vẻ (playful criticism) cho tới khẳng định mạnh mẽ (hoặc mỉa mai khinh thường),… Để từ đó, chúng ta thấy đối với việc sử dụng phủ định siêu ngôn ngữ, thì việc phải biểu đạt một thái độ chắc chắn là điều mà người nói phải có dự định và chiến lược rõ ràng, tức là thái độ đó đã tồn tại hiển nhiên theo phát ngôn, có khi cần thiết phải cung cấp thêm minh chứng - tức là phần đính chính / hay phần kèm theo. Tuy nhiên, từ khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy phần thông tin kéo theo này vẫn được người nói bổ sung, nhấn mạnh. Ở phần tiếp theo của bài nghiên cứu, chúng tôi sẽ làm rõ và phân tích thành phần thông tin điều chỉnh của phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt, từ đó xác định phương tiện biểu đạt cho phần điều chỉnh này là các *tác tử phiếm định*.

Theo nghiên cứu của Maria Marta [20], tác giả đưa ra chú ý về thành phần mang thuộc tính "hiệu lực điều chỉnh" của phủ định siêu ngôn ngữ. Dựa trên kết quả nghiên cứu ngữ liệu tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy phần điều chỉnh thông tin của phủ định siêu ngôn ngữ có thể phân loại từ nhiều khía cạnh.

Tại vế điều chỉnh, nếu xét theo bình diện điều chỉnh các khái niệm ngôn ngữ thì chúng ta sẽ thấy có một số sự hiệu chỉnh như sau: *hiệu chỉnh phát âm* (pronunciation correction), *hiệu chỉnh ngữ vực/ phong cách* (register or style correction), hoặc là *hiệu chỉnh tiêu điểm hay nghĩa* (focus or connotation correction), v.v.

Còn nếu xét về nghĩa, phần điều chỉnh gồm có các loại như sau: (a) phần điều chỉnh có thông tin tương phản (b) phần điều chỉnh có thông tin tăng cường (thang độ) (c) phần điều chỉnh có thông tin phân biệt/ khu biệt các đơn vị ngôn ngữ.

2.2.1. Tác tử phiếm định điều chỉnh có tính tương phản

Trong phủ định siêu ngôn ngữ, thường có hai vế phát ngôn, một vế chính là phủ định hoặc phản bác lại phát ngôn phía trước, vế còn lại thường sẽ là tiểu cú/ câu điều chỉnh/ chỉnh sửa (correction) lại thông tin. Tại vế phủ định, có thể sẽ có một tác tử phủ định miêu tả chức năng chân trị rơi vào mệnh đề [not-P] (tức là ta đặt mệnh đề P vào phạm vi phủ định của "not"), hoặc sẽ có một tác tử siêu ngôn ngữ chú thích cho mục đích "I object to U" của Horn (theo đó U sẽ thường là một phát ngôn ngôn ngữ học hơn là một mệnh đề trừu tượng nào đó). Trong nghiên cứu của chúng tôi, khi ta phủ định siêu ngôn ngữ, đó là khi ta phản bác lại cách dùng ngôn ngữ của người phát ngôn trước, nhất là khi không đồng tình về ngôn ngữ mà theo quan điểm của chúng ta cách dùng ngôn ngữ đó có thể sai về phát âm, về từ vựng - ngữ nghĩa, hoặc không phù hợp về phong cách. Chúng tôi xin viện dẫn một ví dụ từ tiếng Anh:

A: *Mary is smart*.

B: *No, she's not smart. She's thick*.

Trong ngữ cảnh trên, chúng ta có sự tương phản giữa [smart, thick] về ngữ nghĩa và phong cách. Thang độ [smart > thick] có rất nhiều từ, nhưng người B đã chọn từ "thick" là một từ lóng chỉ sự ngu ngốc, để phủ định phát ngôn của A. Dùng từ tương phản như vậy, không nhằm làm giảm đi hiệu lực phản bác, mà thực tế còn nhấn mạnh thêm điều đó.

Xem xét trong tiếng Việt, sau vế câu phát ngôn có chứa thành phần ngôn ngữ mà ta phản đối, người ta thường đưa ra thông tin tương phản đối lập với phần ngôn ngữ bị phủ nhận để nhấn mạnh thêm hiệu lực phản bác. Hành vi ngôn ngữ đó là hiệu chỉnh và thay thế cho thành tố ngôn ngữ (mà đã được cho là không đúng).

Ví dụ 3:

Chưa chi đã quảng cáo.

Ngon thật chứ không quảng cáo. Của thằng nhỏ ở nhà bên cạnh mới hái cho đó.

*Thằng đó **mà** còn nhỏ, nó lớn hơn dì ít nhất 4 tuổi*. (Nguyễn Nhật Ánh - *Bờ vai nghiêng nắng)*

Ví dụ 4:

Quý Ròm đành xuôi xị:

Thì cũng có quát tháo chút đỉnh, nhưng tao chỉ quát nho nhỏ thôi!

*Nho nhỏ **đâu mà** nho nhỏ! - Em nghe anh hét ầm ầm cứ như nhà sập tới nơi*! (Nguyễn Nhật Ánh - *Ông thầy nóng tính)*

Ví dụ 5:

- Em không biết. Chắc là em hết nước mắt rồi.

*- Mày **mà** hết nước mắt! Tưởng mày "mít ướt" thấy mồ!* (Nguyễn Nhật Ánh - *Út Quyên và tôi)*

2.2.2. Tác tử phiếm định điều chỉnh có tính tăng cường

Trong phủ định siêu ngôn ngữ, nếu sử dụng phát ngôn hai vế, thì đây là loại có vế điều chỉnh phổ biến và điển hình. Chúng tôi gọi về thứ hai là thành phần tăng cường phủ định, bởi vì khi phủ định siêu ngôn ngữ ở vế trước đó thành phần A thì vế thứ hai điều chỉnh A', và theo thang độ [A<A'] về ngữ nghĩa ngụ ý. Cơ chế phủ định này cũng chuyển tải hàm ý thang độ mà chúng tôi sẽ trình bày phía sau. Hàm ý phủ định là "*không chỉ* A *mà còn hơn thế* - A']. Trong tiếng Việt, để biểu thị sự tăng cường trên cùng một thang đo, chúng ta thường dùng các phó từ chỉ mức độ *rất, quá, cực kì*,… hoặc chỉ tố tạo từ cực cấp *siêu* trước A. Chúng ta có khuôn "không phải …mà là…" trong tiếng Việt là một dạng phủ định có hàm ý giải thích, đính chính. Điều thú vị của khuôn này, đó là nếu phát ngôn vế một và sau đó có khoảng ngừng, thì vế hai là một điều chỉnh có ngôn điệu tương phản gây bất ngờ. McCawley [21] đã có nêu khuôn "not X but Y" là phủ định tương phản (contrastive negation). Trong phủ định siêu ngôn ngữ, "not X but Y" được dùng để bác bỏ lại X từ phát ngôn trước đó.

Ví dụ 6:

Trung đội trưởng: Chăn của đồng chí Tú không những gấp xấu mà còn bị nghiêng, đồng chí Tú có điểm gì đáng cười?

Minh Tú: *Tôi cười bởi vì tự tôi thấy **nó xấu**.*

Trung đội tưởng Khải: *Nó không phải xấu **mà** nó quá xấu.* (Phim *Sao nhập ngũ 2022, tập 5)*

Ví dụ 7:

***Ngon** không bố?*

*Không ngon. **Cực kì** ngon.* (Kênh YouTube Rufino Aybar)

Ví dụ 8:

*Em thấy anh **có phiền** không?*

*- Không phải [phiền]. **Mà là** [rất phiền].* (Phim *Hoa hồng trên ngực trái, tập 40)*

Ví dụ 9:

*Tại sao con **không ăn** rau?*

- Con không có không [ăn]. Con chỉ không [ăn ít] thôi.

Ví dụ 10:

*Ôi, chiếc bánh này **to** quá ạ!*

*- Không chỉ [to]. **Mà còn** [siêu to khổng lồ].* (YouTube)

2.2.3. Tác tử phiếm định điều chỉnh có tính khu biệt

Trong nghiên cứu này, khi quan sát phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt, chúng tôi đã nhận thấy rằng cũng sử dụng khuôn "*không phải…mà là…*" nhưng các trường hợp dưới đây lại có ý nghĩa khác với loại trên, đó là vế sau "*mà là…*" không phải là tăng cường trên cùng thang độ, mà là khu biệt cách dùng ngôn ngữ. Chúng ta có khuôn [*không A mà B*], trong đó A và B dĩ nhiên là hai phương tiện ngôn ngữ khác nhau. Theo chúng tôi, đây cũng là loại điều chỉnh về phong cách ngôn ngữ (style correction). Như ở trường hợp *đen* và *xui* (ví dụ 11) *nhiều* và *dư* (ví dụ 12) *khùng* và *điên điên* (ví dụ 14) *khoái* và *yêu* (ví dụ 16) *mệt* và *bủn rủn* (ví dụ 15) mặc dù là hai từ gần nghĩa, nhưng nó vẫn khác nhau ở phong cách ngôn ngữ và sắc thái biểu cảm.

Ví dụ 11:

Đời người chỉ có 2 tấm thôi: tấm chồng và tấm mẹ chồng. Kiếm làm sao cho ra tấm ra món.

Chứ đến cuối cuộc đời mà không có hai cái tấm ra gì thì coi như thôi rồi.

Đời ***không phải*** *là đen* ***mà là****…xui luôn.* (Phim *Thương ngày nắng về, tập 22)*

Ví dụ 12:

Hoà: *hình như tôi nói hơi nhiều rồi nhể…*

Thơ: ***không phải*** *là nhiều đâu* ***mà là*** *dư rồi, dư rồi nha* (Phim *Sao nhập ngũ 2022, tập 7)*

Ví dụ 13:

Khải: *Đồng chí Thơ, đồng chí có thấy mệt không?*

Thơ: *Báo cáo đồng chí trung đội trưởng, tôi…****không phải*** *mệt…****mà là****…tôi bủn rủn tay chân.* (*Sao nhập ngũ 2022, tập 15)*

Ví dụ 14:

- *Anh khùng hả?*

- *Trời ơi, tôi chạy đi mua dây thun cho cô muốn đứt hơi, bây giờ cô lại bảo tôi khùng!*

- *Anh không khùng,* ***nhưng mà*** *hơi điên điên*! *Tôi chỉ cần một sợi thôi, ai bảo anh mua cả mớ như vậy!* (Nguyễn Nhật Ánh - *Những chàng trai xấu tính*)

Ví dụ 15:

- *Hôm nay tao phải "ếm" nó bằng chuối.*

- ***Ai lại*** *mời phụ nữ đi ăn chuối.* => bác bỏ = quán ngữ "ai lại"

- *Tao sẽ rủ nó đi ăn chè. Chè chuối, thằng ngu ạ!* => bác bỏ siêu ngôn ngữ "ăn chuối" thành "chè chuối".

Ví dụ 16:

- *Ừ, nó khoái này!*

- ***Không phải** là khoái! **Mà là** yêu!*

(Nguyễn Nhật Ánh - *Những chàng trai xấu tính*)

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng thấy tiếng Việt có những trường hợp điều chỉnh (từ ví dụ 17 đến 22) dưới đây mà vế B sẽ thay đổi ngôn ngữ mà đã có ở vế A. Phủ định siêu ngôn ngữ A, theo đó là về điều chỉnh lại ngôn ngữ ở A, và thay bằng ngôn ngữ (được cho là đúng hơn) là B. Đặc biệt, khi phát ngôn ở A có hàm ý, thì việc phủ định siêu ngôn ngữ A, cũng là phủ định bác bỏ lại hàm ý của A, từ đó điều chỉnh là để làm rõ lại hàm ý. Hai trường hợp ví dụ (17) và (21) là hai trường hợp dùng ngôn ngữ có hàm ý rất rõ ràng, cách dùng từ "lại phải" (ví dụ 17) có hàm ý mang sắc thái miễn cưỡng bắt buộc trả tiền, vì thế người phát ngôn đã phủ định lại cách dùng từ này, mà điều chỉnh lại thành "vinh dự"; hay như từ "so đo" là so sánh những mang hàm ý tính toán thiệt hơn, và người phát ngôn không muốn mang hàm ý xấu này, nên đã điều chỉnh lại thành "so sánh" mới đúng.

Theo Horn [17], [18] và Burton Roberts [6], hai ông đã nhấn mạnh rằng vẫn có sự mâu thuẫn (contradiction) giữa hai từ đồng nghĩa/ gần nghĩa trong phủ định siêu ngôn ngữ. Thậm chí, đây được xem là thuộc tính thiết yếu của hiện tượng này. Sự mâu thuẫn và sự đính chính diễn ra giữa hai vế của phủ định siêu ngôn ngữ. Và từ đó, hai ông xem xét rất kĩ ngữ cảnh và phạm trù "biệt ngữ cá nhân" (idiolect) trong các ngữ cảnh của phủ định siêu ngôn ngữ. Cartons [10] cũng đồng tình, và xem các biệt ngữ cá nhân cùng các cấp bậc của cộng đồng ngôn ngữ. Chúng ta có thể xem xét thêm một vài trường hợp như (ví dụ 19) "dân anh chị" là từ lóng khẩu ngữ để chỉ "đàn anh sừng sỏ trong bọn lưu manh" mà người phát ngôn đề cập, tuy nhiên người bác bỏ lại phản ứng và điều chỉnh theo nghĩa đen "toàn anh thôi chứ có chị nào đâu?" (mặc dù người bác bỏ không hề bác đi nghĩa "dân lưu manh").

Ví dụ 17:

Thoạt đầu anh ngớ người ra. Nhưng rồi anh chợt hiểu:

Tôi lại phải trả tiền cho mấy cô chứ gì? – Anh vừa nói vừa cười.

Cúc Hương nhăn nhó:

Sao lại "lại phải". Phải nói là "lại vinh dự trả tiền" mới đúng. (Nguyễn Nhật Ánh - *Nữ sinh*)

Ví dụ 18:

Xuyến thè lưỡi"

Cha mẹ ơi! Thế này thì anh nhất định là công an rồi!

Không phải công an! Mà là thám tử! – Cúc Hương nhận xét. (Nguyễn Nhật Ánh - *Nữ sinh*)

Ví dụ 19:

Dân anh chị à?

Mù à? Toàn anh thôi chứ chị nào đâu? (Phim *Gara hạnh phúc, tập 7)*

Ví dụ 20:

- *Muốn đi thì mở cái mồm ra, suốt ngày văn với vở.*

- *Đây không phải là văn, mà là giáo dục công dân.* (Phim *Gara hạnh phúc, tập 7*)

Ví dụ 21:

- *Em trai mình chứ có phải người dưng nước lã đâu, mình đi so đo với nó làm cái gì.*

- *Tớ không hề so đo, tớ chỉ so sánh.* (Phim *Gia đình mình vui bất thình lình*, tập 8)

Ví dụ 22:

- *Quỳnh!*

- *A!*

Quỳnh Như sửng sốt kêu lên và quay phắt lại. Biển cười hề hề:

- *B chứ không phải là A! Tên tôi là Biển mà lại!* (Nguyễn Nhật Ánh - *Những chàng trai xấu tính)*

2.3. Tác tử phiếm định trong bác bỏ siêu ngôn ngữ

2.3.1. Tác tử siêu ngôn ngữ và bác bỏ trực tiếp

Có những khuôn ngôn ngữ thể hiện hành vi bác bỏ trực tiếp. Để bác bỏ A có những khuôn như: "B *thì có*"; "B *chứ*"; "B *chứ bộ*"; "A *gì mà* A" và những câu có từ *chứ, mà* đặt trong những tình huống thích hợp. Dùng từ *thì* để nói đay: [*chuột chù chê khỉ rằng hôi//Khỉ mới trả lời*] *cả họ mày (thì) thơm*]. Như vậy *Còn các bà thì đẹp* có thể là lời *nói đay* nhưng *Còn cô Ba thì lại đẹp* lại là lời khẳng định. Trong tiếng Việt, để thực hiện hành vi phủ định siêu ngôn ngữ (≈ bác bỏ) trực tiếp thì người tham thoại đã dùng các khuôn có từ phiếm định, chẳng hạn như "A *gì*", "A *mà*", "A *đâu mà*",… hoặc dùng các khuôn ngôn ngữ như trong các ví dụ dưới đây.

Ví dụ 23:

Bà Dung: *Em thấy chị cao thủ thật.*

Bà Hoà mẹ Khoa: *Cao lớn **cái gì.** Cả bố lẫn con nhà nó đang trách móc tôi đây này.*

Bà Dung: *Trách móc **cái gì**…đàn ông đàn anh không bao giờ để ý đến cái chuyện phụ nữ đâu.* (Phim *Những ngày không quên, tập 31)*

Ví dụ 24:

- *Vậy giờ anh chị tính thế nào, hả?*

- *Dạ thưa mẹ, vợ chồng con cũng đang tính toán xem có phương án nào khả dĩ…*

- *Anh chị thì tính toán được **cái gì**…* => bác bỏ khả năng "…+ được cái gì"

(Phim *Thương ngày nắng về - tập 3)*

Ví dụ 25:

- *Mấy tuần nay anh Quý kèm anh học, vậy chắc bây giờ anh cũng giỏi toán lắm rồi **chứ gì**?*

- *Học toán chứ phải học…ăn **đâu mà** nhoáng một cái đã giỏi ngay được.* (Nguyễn Nhật Ánh - *Anh thầy khó tính*)

2.3.2. Tác tử siêu ngôn ngữ và chất vấn

Ngoài cách phủ định trực tiếp, Nguyễn Đức Dân đã nhấn mạnh"Bác bỏ là một hành vi phái sinh của một hành vi khác. Đó là một hành vi ngôn ngữ gián tiếp, được tạo thành từ các hành vi tại lời chất vấn, từ chối, thanh minh..." [1, tr.291]. Phổ biến nhất từ hành vi chất vấn. Nguyễn Đức Dân cũng cho rằng "từ chối không đồng nhất với bác bỏ", bác bỏ theo phương thức chất vấn là một lối nói mềm mỏng, nhẹ nhàng hơn lối phủ định trực tiếp. Nghe lời từ chối gián tiếp "Tôi nói sao được?" không bị sốc bằng lời từ chối trực tiếp "Tôi không nói đâu". Có những khuôn chất vấn-bác bỏ. Người Việt rất hay dùng hành vi **chất vấn** để bác bỏ gián tiếp, xuất hiện trong những câu phủ định siêu ngôn ngữ.

Ví dụ 26:

- *Trời đất! Đậu của em sao anh lại đem nấu chè! - miệng nhỏ Diệp mếu xệch, còn mắt thì bắt đầu ngân ngấn nước.*

- *Đậu không dùng nấu chè chứ dùng để **làm gì**! - Quý ròm hừ mũi - Chẳng lẽ để cho mốc meo hết hay sao?* (Nguyễn Nhật Ánh - *Người tốt*)

Chất vấn là "hỏi và yêu cầu phải giải thích rõ ràng" [9]. Chất vấn có thể tạo ra hàm ý phê phán, còn hỏi thì không. Chất vấn cũng khác với câu hỏi vọng (echo question), mặc dù câu hỏi vọng cũng dùng để chất vấn mà chúng tôi sẽ phân tích trong nghiên cứu khác.

Ví dụ 27:

[Bà Cúc: - *Con đang chất vấn mẹ đấy à?]* / Châu: - *Con chỉ hỏi **thôi mà***." (Phim *Hướng dương ngược nắng, Phần 1, tập 26)*

Câu "P *mà*" là hành vi giải thích, một điều kiện cần của hành vi thanh minh, do đó lời của Châu dẫn tới hành vi bác bỏ câu hỏi có hàm ý phê phán của mẹ là bà Cúc. Ở đây, phủ định siêu ngôn ngữ đã bác lại cách dùng từ "chất vấn" mà điều chỉnh bằng từ "hỏi".

Rõ ràng, phương thức chất vấn là một đặc thù tiếng Việt để tạo câu bác bỏ. Vậy phủ định siêu ngôn ngữ gián tiếp đã được thực hiện với phương thức này.

Ví dụ 28:

- *Bi ơi, sao lại vẽ giờ này*?

- *Thế giờ này không vẽ thì **làm gì** bố? Con làm bài hết rồi. Vẽ tí mà bố cũng cằn nhằn.* (Kênh Youtube Xuân Bắc)

4. Phủ định siêu ngôn ngữ và quán ngữ tiếng Việt

Đã có nhiều nghiên cứu phân tích và chứng minh mối tương quan giữa cách dùng các quán ngữ (thuật ngữ các công bố quốc tế sử dụng là "idiom expression", chúng tôi chọn thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt là quán ngữ.

Nguyễn Đức Dân trong *Lôgich và tiếng Việt* [2, tr.328] đã có nhận định rằng "có những lời người nói thực hiện một hành vi ngôn ngữ nào đấy trở thành những khuôn ngôn ngữ xác định, cho phép tỉnh lược tới mức tối đa các từ mang nội dung cụ thể. Lâu dần những khuôn này trở thành những quán ngữ, dù nó không chứa những nội dung cụ thể, dù không đặt trong một ngữ cảnh cụ thể thì người nghe vẫn nhận ra đó là hành vi ngôn ngữ gì".

4.1. Quán ngữ có tác tử phiếm định

Từ phiếm định (indefinite word) được nhắc đến trong các công trình ngữ pháp với nhiều tiểu loại khác nhau, chẳng hạn, *chỉ định từ phiếm định* (indefinite determiner) hay *đại từ phiếm định* (indefinite pronoun), *lượng từ phiếm định* (indefinite quantifier).

Nguyễn Đức Dân trong *Lô gích và tiếng Việt* [2, tr.397-401] cũng đã phân tích vai trò và chức năng của những câu bác bỏ dùng từ phiếm định *nào, gì, đâu, sao*. Từ đó, tác giả đã đưa ra các khuôn *quán ngữ phiếm định* (indefinite idiom) của các từ trên.

Từ việc quan sát ngữ liệu tiếng Việt và soi chiếu tới cơ sở lí thuyết, chúng tôi đồng tình với Ines Olza [23] và Ana Maria Martins [20] về vai trò của các "idiom expression" trong việc tham gia biểu đạt phủ định siêu ngôn ngữ. Chúng tôi dùng thuật ngữ "quán ngữ" để phù hợp với hình thức phương tiện biểu đạt này trong tiếng Việt.

4.1.1. Quán ngữ chứa từ "mà"

Trong tiếng Việt, các quán ngữ có tác tử *mà* là tác tử phiếm định *ở đó mà, gì mà, sao mà, đâu mà, mà lại…*, chúng cũng thường dùng trong câu bác bỏ. Về logic ngữ nghĩa từ *mà*, ở đây khi dùng từ *mà* với hành vi ngôn ngữ, ta có hai khả năng đối ngược nhau:

- "X *mà không* Y?". Hàm ý: X thì Y.

- "X *mà cũng* Y?". Hàm ý: X thì không Y.

Tiếng Việt có cấu trúc trừu tượng chứa hàm ý: "A *mà cũng* B" → A thì không B

Ví dụ 29:

- *Cán bộ **mà cũng** nghĩa tình lắm nhe!* (Phim *Trang trại hoa hồng, tập 5*) → Cán bộ thì không nghĩa tình (≈ không tốt). Vậy đây là hiện tượng *ngược đời.*→ người cán bộ này tốt.

- *Có 4 đồng **mà** mày **cũng** cưới được vợ kia à* (*Sống mòn,* Nam Cao) Đây là lời giáo Thứ hỏi thằng Mô) → Có 4 đồng thì không cưới được vợ. ["Có 4 đồng" ≈ ít tiền] → cưới vợ thì tốn nhiều tiền. Nhưng thực tế thằng Mô (là đứa ở của trường) đã cưới được vợ.→ Điều này khiến giáo Thứ ngạc nhiên.

- (Bạch Cúc nói với con gái:) *Con **mà cũng** giúp đỡ người khác à?* (*Hướng dương ngược nắng,* phần 2, *tập 24*) →a) TGĐ: [theo mẹ nghĩ/biết] con (thuộc loại người) không giúp đỡ ai bao giờ; b) Con giúp đỡ người khác làm mẹ ngạc nhiên đấy,

- *Như thế **mà cũng** là người có học cơ đấy*. (Phim *Sống chung với mẹ chồng, tập 24*)

- *Mẹ con không biết gì về chuyên môn **mà còn** khen nữa là*.! (Phim *Không thể gục ngã, tập 9).*

4.1.2. Quán ngữ chứa từ "ai"

Tiếng Việt có các kiểu quán ngữ như *ai lại, ai bảo, ai thèm…* Các kết cấu ngôn ngữ chứa từ phiếm định *ai* thường có thế hành chức theo khuôn [*Ai* + V + X], tức là theo sau *ai* là động từ và một cụm từ để tạo câu, mang hàm ý bác bỏ tuyệt đối [*Không ai* + V + X]. Ở hai trường hợp dưới đây, *ai* có dạng kết hợp đặc trưng như "*ai lại* X", "*ai (mà) thèm* X" phủ nhận lại cách dùng ngôn ngữ của phát ngôn phía trước với hàm ý "*không ai lại* X", "*không ai mà thèm* X". Điều hay là khi ta có hàm ý phủ định bác bỏ tuyệt đối "*không ai*…" thì tạo nên lí lẽ cho người đang phản bác, *ai* sẽ quy chiếu cho cả người đang phản đối.

Ví dụ 30:

- *Gọi bằng chú hén?*

- *Người ta lớn hơn mình có mấy tuổi, ai lại gọi bằng chú. Đúng ra phải gọi bằng…bác.* (Nguyễn Nhật Ánh - *Buổi chiều Windows*)

Ví dụ 31:

- *Tính giở trò ểu hả mày?*

- *Ai mà thèm giở trò với mày! Tao chỉ hù chơi vậy thôi.*

4.1.3. Quán ngữ với từ "gì"

Tiếng Việt có các kết hợp quán ngữ theo khuôn "A *gì*", trong đó A là một vị từ, ví dụ như *ăn nhằm gì, nhằm nhò gì, ăn thua gì, dễ gì, làm gì, giống gì, quái gì, gì nữa…* Theo nghiên cứu từ cơ sở ngữ nghĩa ngữ dụng của tác tử phiếm định "gì", cách chúng hoạt động thành tổ hợp là những tác tử bác bỏ có phạm vi rất rộng (Nguyễn Đức Dân [2] đã nói nó có sự "không xác định một cách tuyệt đối" cho sự kiện, sự vật, hiện tượng).

Để hoạt động với ý nghĩa phản bác lại ngôn ngữ phía trước, tiếng Việt đã có nhiều kết hợp hoạt động khá cố định. Nhóm *ăn nhằm gì, nhằm nhò gì, ăn thua gì* thường phủ định bác bỏ về kết quả. *Gì* có thể làm bổ ngữ cho các động từ, thậm chí là bổ nghĩa nhấn mạnh cho các trợ từ (như quái, cóc). Dần dần các tổ hợp của từ *gì* trong vai trò tác tử phủ định bác bỏ hoạt động như quán ngữ tự do. Trong phương ngữ Nam Bộ, chúng tôi thấy có kết hợp đặc trưng "giống gì" (các ví dụ) đứng ngay sau các vị từ, để bác bỏ lại sự tình, và nó dùng tương đương như từ phiếm định *gì*.

Ví dụ 32:

Nhiệm đằng hắng:

- Tao thấy em Thuỷ có "để ý" tao chút chút.

- Chút chút thì ăn nhằm gì! (Nguyễn Nhật Ánh - *Ông thầy nóng tính*)

Ví dụ 33:

- Vậy thì anh đến đó đi!

- Dễ gì mà đến đó. Phải có giấy giới thiệu. (Nguyễn Nhật Ánh - *Nữ sinh*)

Ví dụ 34:

- Lại nói dóc!

- Thật chứ dóc gì. Dạo này em Thuỷ sợ tao một phép.

- Mày có quái gì mà em phải sợ? - Giọng Chuyên ma mãnh.

- Sao không có quái gì! Bây giờ mà tao "nghỉ" em ra là em hết muốn sống liền! (Nguyễn Nhật Ánh - *Phòng trọ ba người*)

Ví dụ 35:

- Mấy năm nay mình đi làm ăn khá hay không?

- Sao lại không khá.

- Khá sao không về, bỏ tôi ở nhà khổ hết sức vậy?

- Về làm giống gì? (≈ về làm gì? ≈ không cần về)

- Như mình đi mình tính không về, thì hồi đó dắt tôi đi theo, chớ sao lại bỏ tôi lưu vong ở nhà vậy.

- Mầy ở nhà sướng, hổng chết, còn ức nỗi gì?

- Mình đừng có nói vậy. Sướng giống gì? (≈ sướng gì ≈ không sướng) (Hồ Biểu Chánh - *Cay đắng mùi đời*)

4.1.4. Quán ngữ với từ "đâu"

Đâu là một tác tử phiếm định cho hành vi bác bỏ, bình thường chúng là tác tử bác bỏ địa điểm. Nhưng, khi hoạt động để phản bác lại phát ngôn phía trước, "*đâu mà* X", "*đâu có* X" thì tạo ra hàm ý phủ định "*không* X", "*không có* X". Đôi khi các kết hợp của "đâu" dùng với phát ngôn nói vọng, tạo ra các khuôn phủ định bác bỏ nhấn mạnh tăng cường "X *đâu mà* X" (như 36).

Ví dụ 36:

*- Chỗ đảo chúng tôi ở, ông biết đấy, nó thấp **chứ đâu như** thế kia*. (hành vi phủ định)

*Lệ - Chỉ giỏi nịnh thôi.//Việt: Nịnh **đâu mà** nịnh.* (Phim *Mùa hoa tìm lại,* tập *11*) → Hành vi khẳng định: Tôi không nịnh.

*- Người **đâu mà** động tí là tự ái*. → Hành vi khẳng định "người rất tự ái".

- *Có gì **đâu mà t**hích* (Phim *Tình khúc bạch dương,* tập 25) → HV *tình thái phủ định*: không *đáng thích;* So sánh với câu: *Chuyện này **đâu có gì đâu*** (*Nước mắt loài cỏ dại*)

4.1.5. Quán ngữ với từ "sao"

Trong tiếng Việt, tác tử phiếm định *sao* được dùng trong *sao lại, sao mà, sao được, sao được mà, làm sao…* là phương thức chất vấn - bác bỏ. Với phủ định siêu ngôn ngữ, chúng cũng có vai trò tương tự. Phát ngôn A có thông tin ngôn ngữ bị nghi ngờ, thì người phát ngôn B chất vấn - bác bỏ với "*sao lại* A", "*sao mà* A", "A *sao được mà* A",…tạo ra hàm ý "không dùng A được", "không có A được". Từ đó, người tham thoại cũng có thể đưa ra thông tin hiệu chỉnh cần thiết.

Ví dụ 37:

- A: *Tôi lại phải trả tiền cho mấy cô chứ gì? - Anh vừa nói vừa cười.*

B: ***Sao lại** "lại phải". Phải nói là "lại vinh dự trả tiền" mới đúng*. (≈ không phải "lại phải", mà là "lại vinh dự trả tiền" ≈ phủ định siêu ngôn ngữ từ "phải".

Ví dụ 38:

- *Nghe thằng Lượm bảo mày võ nghệ cao cường lắm hả?*

- *Đâu có! Chắc mày nghe nhầm hay sao ấy!*

- *Nhầm **sao được mà** nhầm!*

4.2. Quán ngữ tự do - khuôn siêu ngôn ngữ

4.2.1. Quán ngữ chứa từ "cái"

Trong tiếng Việt, những ngữ cố định chứa từ *cái* có khá nhiều, như: *cái đầu mày, cái con khỉ, cái khỉ khô, cái cóc khô, cái mốc xì,...*, được tạo tập tự do trong khẩu ngữ, được dùng để tạo hàm ý phủ định. Người Việt khi muốn phủ định siêu ngôn ngữ các thành phần ngôn ngữ của phát ngôn phía trước A, thì họ sẽ chỉ cần đặt A trước các quán ngữ loại này. "A + *cái* X" là một dạng quán ngữ "chửi thề" của người Việt. Trong từ vựng, tiếng Việt có từ "khỉ gió" là từ thông tục để chửi rủa, coi thường. Trong tiếng Anh, cũng có trường hợp tương tự, người ta thường dùng các từ chửi thề như *like hell, my eye, my foot, no way, nonsense, bullshit*… để phủ định siêu ngôn ngữ, so với tiếng Việt thì chúng khác ở vị trí (các từ trong tiếng Anh sẽ đặt trước) tác động lên phần ngôn ngữ cần điều chỉnh.

Ví dụ 39:

- *Mày làm cái trò gì vậy, đồ phá bĩnh?*

- *Tại tao tức cười quá, không cách chi kềm được!*

- *Tức cười cái đầu mày! - Biền gầm gừ* (Nguyễn Nhật Ánh - *Những chàng trai xấu tính*)

Ví dụ 40:

- *Mày muốn làm quen với nó mà chưa được, bây giờ nó chủ động làm quen, lẽ ra mày phải cám ơn nó chứ!*

- *Cám ơn cái cóc khô! Làm quen kiểu đó, ông đấm cho vỡ mồm!* (Nguyễn Nhật Ánh - *Những chàng trai xấu tính*)

Ví dụ 41:

- *Dù sao hôm nay mình cũng thắng lợi...*

- *Thắng lợi cái con khỉ mốc*! (Nguyễn Nhật Ánh - *Những chàng trai xấu tính*)

Ví dụ 43:

- *Hay là…*

- *Hay là cái con khỉ ấy.* (Phim *Thương ngày nắng về, tập 17)*

4.2.2. Quán ngữ "*sức mấy (mà)", "sức đâu (mà)*", "*hơi sức đâu (mà)*"

Đây là một đơn vị tổ hợp từ vựng rất quen dùng trong tiếng Việt khi muốn phủ định ở phong cách khẩu ngữ. *Sức mấy* là một đơn vị thuộc từ vựng học, từ điển tiếng Việt nêu rõ "biểu thị ý phủ định về việc cho là không có khả năng xảy ra", vậy khi muốn phủ định siêu ngôn ngữ A, ta dùng "*sức mấy (mà)* A", "*sức đâu (mà)* A". *Mấy, đâu* cũng là những từ để hỏi. Do vậy cấu trúc "*sức mấy (mà)*", "*sức đâu (mà)*" thực chất là một cấu trúc chất vấn - bác bỏ: "*sức mấy mà* P ", "*sức đâu mà* P". Người nói chất vấn "*sức mấy?*", "*sức đâu?*" để bác bỏ P đứng tiếp sau. Từ *mà* dùng để liên kết hai hành vi, một hiển ngôn là *sức*, một ngầm ẩn.

Ví dụ 43:

- *Thôi dẹp đi. Hù cũng không được. Hù kiểu đó có ngày tao đứng tim tao chết, mày ráng chịu à.*

- *Sức mấy mà mày dám chết.* (Nguyễn Nhật Ánh - *Phòng trọ ba người*)

Ví dụ 44:

- *Thôi, để đợi khi nào anh Mẫn lên…*

- *Trời đất! Hơi sức đâu mà đợi! Thu Thảo cứ đưa đây*. (Nguyễn Nhật Ánh - *Phòng trọ ba người*)

4.2.3. Quán ngữ "kể cũng lạ"

Đây là một kết hợp ngôn ngữ dạng "A *kể cũng lạ*", trong đó A là một sự tình, sự việc. Ta thấy "*kể cũng lạ*" là một cấu trúc rút gọn từ "*kể ra*, A *thì cũng lạ*" Khi người Việt muốn phủ định siêu ngôn ngữ A, thì dùng "*kể cũng lạ*", khi đó, phát ngôn sẽ có hàm ý phủ định tính phổ biến, khả năng thông thường của sự tình.

Ví dụ 45:

- *Mày sáng tác hả?*

- *Chứ sao! Tao làm cả khối thơ.*

- *Mày mà làm được thơ kể cũng lạ! Mày trông giống lơ xe đò hơn là nhà thơ.*

(≈ + không làm được thơ) (Nguyễn Nhật Ánh – *Phòng trọ ba người*)

4.2.4. Quán ngữ "A chỉ có nước X"

Trong đó A là thành phần ngôn ngữ, X là thuộc tính của A. Muốn phủ định siêu ngôn ngữ A, người Việt có thể dùng A đặt trước *chỉ có nước* để tạo hàm ý phủ định về khả năng. Trong "*A chỉ có nước X"* thì *nước* chỉ cách thức, đường/lối đi. Vì vậy có thể thay *nước* bằng *cách/ đường:* "A *chỉ có nước/cách/đường* X", do vậy, cấu trúc này do chỉ có mà hình thành nên nghĩa kết cấu này.

Ví dụ 46:

- *Mệt quá. Nghỉ tới chiều cũng được.*

- *Chiều chỉ có nước quay về*. -> Chiều thì không cần làm nữa. (Nguyễn Nhật Ánh - *Bờ vai nghiêng nắng*)

Như vậy, hoạt động của các hình thức quán ngữ trong tiếng Việt rất đa dạng, cách hành chức của chúng đều có hành vi ngôn ngữ đi kèm.

5. Kết luận

Bài viết là một nghiên cứu với mục đích xác định những phương tiện biểu đạt hành vi phủ định siêu ngôn ngữ đặc trưng trong tiếng Việt. Trong hành chức ngôn ngữ tự nhiên, các tác tử phiếm định và các quán ngữ tiếng Việt đều có những giá trị riêng để thể hiện chức năng siêu ngôn ngữ. Qua các phương tiện biểu đạt phủ định siêu ngôn ngữ, chúng tôi đã chứng minh vai trò của các tác tử phiếm định của tiếng Việt trong giá trị ngữ nghĩa, ngữ dụng khi chúng hoạt động trong câu. Cụ thể, chúng tôi cũng chỉ ra các khuôn cấu trúc trừu tượng là có chứa các từ phiếm định, mà chúng ta có thể gọi là các khuôn siêu ngôn ngữ.

Quán ngữ thì người Việt thường xuyên sử dụng các quán ngữ có chứa từ phiếm định để tạo hành vi phủ định và đặc biệt là các quán ngữ tự do (kết hợp tự do hoạt động như quán ngữ). Cách dùng quán ngữ trong phủ định siêu ngôn ngữ là trực tiếp phủ định bác bỏ lại phát ngôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Đức Dân, *Lô gich - Ngữ nghĩa - Cú pháp*, NXB Đại học & Trung học chuyên nghiệp, 1987.
2. Nguyễn Đức Dân, *Lôgích và tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1996.
3. Nguyễn Đức Dân, *Logic - ngữ nghĩa từ hư tiếng Việt*, NXB Trẻ, 2016.
4. Nguyễn Đức Dân, *Lôgích và tiếng Việt*, NXB ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.

Tiếng nước ngoài

5. Asher. R., *The Encyclopedia of language and linguistics*, J.M.Y. Simson Pergamon Press (vol3, 2769-2774), 1994.
6. Burton-Robert, N., *On Horn's dilemma: Presupposition and negation*, Journal of Linguistics *25*(1):95-125, 1989.
7. Burton-Robert, N., *Presupposition-cancellation and metalinguistic negation: A reply to Carston*, Journal of linguistics, 35: 347-364, 1999.

8. Carston, Robyn; Noh, Eun-Ju, *A Truth-Functional Account of Metalinguistic Negation, with evidence from Korean*, Language Sciences, v18 n1-2 p485-504 Jan-Apr, 1996.

9. Cartons Robyn, *Metalinguistic negation and echoic use*, Journal of Pragmatics, 25, 309-330, 1996.

10. Cartons Robyn, *The pragmatics of negation*, In Thoughts and Utterances: The pragmatics of explicit communication, Malden, MA: Blackwell Publishing, 1996.

11. Cartons Robyn, *Negation, "presupposition" and the semantics/ pragmatics distinction*, J. Linguistics 34, 309-350, Printed in United Kingdom, Cambridge University Press, 1998.

12. Canzhong Jiang, *Nature and categorization of metalinguistic negation*, Theory and Practice in Language Studies, Vol. 5, No. 3, pp. 598-604, 2015.

13. Chungmin vLee, *How metalinguistic negation differs from descriptive negation: ERP evidence*, Department of Linguistics, Gwanak-ro 1, Gwanak-gu Seoul, 151-742, Korea, 2009.

14. Cohen, Ariel - K. Turner and K. von Heusinger, *How to deny a presupposition*, Where Semantics Meets Pragmatics, (Elsevier, CRiSPI series), 2006

15. David, Wible & Eva Chen, *Linguistic limits on metalinguistic negation: Evidence from Mandarin and English*, Language and Linguistics 1,2:233-255, 2000

16. Foolen, Ad, *Metalinguistics negation and pragmatic ambiguity: Some comments on a proposal by Laurence Horn*, Pragmatics 1(2) 217-237, 1991

17. Horn, Laurence R., *Metalinguistic negation and pragmatic ambiguity*, Language 61:1, 121-174, 1985

18. Horn, Laurence R, *A natural history of negation*, The University of Chicago Press, 1989

19. Horn, Laurence R., and Yasuhiko Kato, eds, *Negation and polarity: Syntactic and semantic perspectives*, Oxford Univ, Press, 2000

20. Martins, A. M, *Metalinguistic Negation*, in V. Déprez, M. T. Espinal (eds), *The Oxford Handbook of Negation*, Oxford/New York, Oxford University Press, 349–368, 2020.

21. McCawley, James D, *Constrastive negation & metalinguistic negation*, The proceedings og the 27th Annual Meeting of the Chicago Linguistics Society (CLS 27), 1991.

22. Moeschler, Jacques 2010. *Negation, scope and the descriptive/ metalinguistic distinction*. Generative Grammar in Geneva, p 6:29-48.

23. Osla, M, Inés, *Metalinguistics negation and explicit echo, with reference to English and Spanish*, In Malin Roitman (ed), The pragmatics of negation: Negative meaning, Uses and Discursive Functions, 45-61, Amsterdam/ Philadenphia: John Benjamins, 2017.

24. Yoshimura, Akiko, *A Procedural view of metalinguistic negation*, OUPEL (*Osaka University papers in English linguistics*), 2, 223-239, 1995.